TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 31/2025/HC-PT
Ngày: 15/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Duy Thảo, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 664/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2024, về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do có kháng cáo của người bị kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14625/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* Người khởi kiện: Ông Mai Văn T, sinh năm 1936; địa chỉ: Tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Số nhà C, đường H, tổ A phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt;

* Người bị kiện: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai; địa chỉ: Đường A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh Q, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Bá H, chức vụ: chức vụ: Phó Chủ tịch. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị H1, sinh năm 1971; ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1 và ông H2: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Số nhà C đường H, tổ A phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Người khởi kiện, ông Mai Văn T trình bày và yêu cầu: Ngày 23/6/1983 ông Mai Văn T nhận chuyển nhượng của bà Vũ Thị H3 01 thửa đất 418,9m^2 có ranh giới phía Tây Bắc giáp suối L, phía Đông Nam giáp vườn nhà ông T1 và vườn nhà ông K, phía Tây Nam giáp đường vào nhà ông K với giá 10.000 (mười nghìn) đồng. Gia đình có 3 thành viên của 3 thế hệ có cùng hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống trên thửa đất này (trong đó 100m^2 đất ở, 318,9m^2 đất vườn). Nguồn gốc có giấy chuyển nhượng hoa màu nằm trên đất của bà H3, có xác nhận của UBND thị trấn P. Tháng 8/1983 gia đình ông T làm nhà xây cấp 4 hiên tây, mái ngói diện tích khoảng 100m^2 và sử dụng đất ổn định từ năm 1983 cho đến nay, phần diện tích còn lại có trồng một số cây mít, nhãn, tre. Năm 2015 gia đình ông T có làm thủ tục yêu cầu Nhà nước công nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) đối với diện tích đất trên là 418,9m^2; khi cán bộ lồng ghép vào bản đồ thì có sự chồng lấn với đất hộ ông Nguyễn Văn L nên từ đó UBND huyện B chưa cấp GCNQSDĐ. Đến năm 2016 khi nhà xuống cấp bị dột ông có sửa chữa lại nhà, nhưng vẫn trên nền móng hiện trạng cũ. Việc xây dựng nhà từ tháng 8/1983 cho đến nay hộ gia đình chưa bao giờ bị xử lý, xử phạt về hành vi lấn chiếm đất, sử dụng hay xây dựng nhà trái pháp luật. Gia đình cũng không có tranh chấp với bất cứ hộ gia đình cá nhân nào. Tháng 12/2022 gia đình nộp thuế công nhận QSD đất đối với diện tích 100m^2 đất ở ông sử dụng theo quy định. Khi Nhà nước thu hồi đất đo chính xác diện tích 418,9m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 318,9m^2 đất vườn) đã có trên bản đồ địa chính. Theo Quyết định số: 1419/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn P. Trong quyết định thu hồi đất UBND huyện B lại xác định 418,9m^2 đất trồng cây CLN (cây lâu năm) là không đúng. Việc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B tự ý chỉnh lý 100m^2 đất ở bản đồ địa chính sang toàn bộ diện tích 418,9m^2 là đất trồng cây lâu năm là trái pháp luật không đúng theo hiện trạng sử dụng đất; Bản đồ địa chính diện 100m^2 là đất ODT đất ở thể hiện thửa đất số 199 tờ bản đồ DC5 và thực tế sử dụng đất của hộ ông T là đất có nhà ở, có công trình phụ; xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ngày 18/7/2022 và ngày 29/6/2022; đăng ký, cấp GCNQSD đất ngày 18/7/2022, xác nhận hộ khẩu ngày 23/6/2022 theo quy định tại Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 100 Luật Đất đai. Nay ông Mai Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết tuyên hủy: Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Hủy một phần

Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai liên quan đến đất ở hộ gia đình ông T; Hủy Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về việc cưỡng chế thu hồi đất; Hủy một phần Quyết định số: 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Ủy ban nhân huyện B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư bổ sung để phục vụ công trình Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ thống kê, bồi thường chi trả các chính sách hỗ trợ và cấp đất định cư cho hộ gia đình ông Mai Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Đại diện của người bị kiện trình bày và có quan điểm:

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Ông Mai Văn T đang sử dụng đất tại thửa đất số 139, tờ bản đồ 39; diện tích 418,9m^2 địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ biên bản họp ngày 22/6/2022 của UBND thị trấn P, về việc lấy ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Mai Văn T, là nhận chuyển nhượng của bà Vũ Thị H3 từ năm 1983, sử dụng làm nhà ở và ổn định từ đó đến nay. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính được đo đạc và nghiệm thu năm 2008, bản đồ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị M, huyện B được đo đạc và nghiệm thu năm 2018, không thể hiện ông Mai Văn T có tài sản, vật kiến trúc trên đất. Mặt khác, theo văn bản số 321/CCT-NVQLT ngày 02/3/2022 của Chi cục thuế huyện B, văn bản phúc đáp về cung cấp thông tin tài liệu, thì ông Mai Văn T không có tên trong sổ bộ quản lý thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Căn cứ Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, về việc xác định loại đất. UBND huyện B thu hồi, bồi thường đất nông nghiệp cho ông Mai Văn T là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi về đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam, mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo

quy định của Luật này mà chưa được cấp. Vậy ông Mai Văn T đủ điều kiện để thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất.

- Về trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh L, về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị M, thị trấn P; Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh L phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ T, thị trấn P, huyện B. UBND huyện B đã triển khai trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau: Ngày 09/7/2019, UBND huyện đã tổ chức họp với các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực thu hồi đất để công khai và triển khai công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 22/7/2020, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 3592/QĐ-UBND, phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Hồ T, thị trấn P. Ngày 30/7/2020, UBND huyện đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 563/TB-UBND để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ trung tâm, thị trấn P, huyện B. Ngày 18/7/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp với UBND thị trấn P, Chủ đầu tư và hộ gia đình ông Mai Văn T đã tổ chức tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất, hoa màu và lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 24/4/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1419/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ trung tâm, thị trấn P, huyện B và Quyết định số 1425/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình Hồ trung tâm, thị trấn P, huyện B. Ngày 10/5/2023, Ban Q1 với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện và UBND thị trấn P chi trả tiền cho hộ gia đình ông Mai Văn T theo Thông báo số 29/TB-QLDA ngày 08/5/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, tuy nhiên ông Mai Văn T không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Ngày 15/5/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện phối hợp với Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ Q2 và các ban ngành, đoàn thể thị trấn P tổ chức vận động, thuyết phục ông Mai Văn T chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên ông Mai Văn T không chấp hành nhận tiền và không bàn giao đất để thực hiện công trình. Ngày 26/5/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1953/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 26/5/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1954/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế. Như vậy, UBND huyện B đã thực hiện trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc ông Mai Văn T yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện B, về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ trung tâm, thị trấn P, huyện B; Hủy bỏ một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình Hồ trung tâm, thị trấn P, huyện B là không có cơ sở.

[3]. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Mai Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2 là con gái và con rể của ông Mai Văn T; Vợ chồng bà H1 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T, đề nghị buộc UBND huyện B phải cấp cho vợ chồng bà 01 suất đất tái định cư theo diện hộ ở cùng (ăn theo), quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính phủ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, đã quyết định: Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 11, Điều 66, Điều 69, Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Mai Văn T về việc: Hủy Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T như sau: Hủy quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 24/4/2023, của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B. Hủy một phần quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B đối với hộ ông Mai Văn T. Hủy một phần quyết định số: 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B đối với hộ ông Mai Văn T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình ông Mai Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2024, người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện người bị kiện đề nghị sửa bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện người khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bác toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong thời hạn đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện: Ông Mai Văn T khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định 1419/QĐ-UBND ngày 24/4/2023, hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023, hủy một phần Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Ủy ban nhân huyện B; Hủy Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ: thống kê, bồi thường chi trả các chính sách hỗ trợ và cấp đất định cư cho hộ gia đình theo đúng quy định của pháp luật. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý Nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc huỷ quyết định yêu cầu huỷ quyết định 1953 ngày 26/5/2023: Tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu huỷ quyết định 1953/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND huyện B, về việc cưỡng chế thu hồi đất, việc rút một phần yêu cầu hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút là có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 1419 ngày 24/4/2023, một phần quyết định số 1425 ngày 24/4/2023, một phần quyết định số 4561 ngày 20/9/2023 của UBND huyện B:

[2.2.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Quyết định số 1419, 1425, 4561 của Ủy ban nhân dân huyện B ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2.2]. Về Quyết định số 1419 ngày 24/4/2023 của UBND huyện B thu hồi 418,9m^2 đất trồng cây lâu năm số thửa 139, tờ bản đồ 39 của ông Mai Văn T tại tổ dân phố số C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Xét thấy:

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Các bên đều xác nhận đất của ông Mai Văn T đang sử dụng đất tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 39, diện tích 418,9m^2 tại thửa đất số 3, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất là do ông Mai Văn T nhận chuyển nhượng của bà Vũ Thị H3 từ năm 1983.

- Về xác định loại đất thu hồi: Các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất của hộ gia đình Văn T không phải là giấy tờ theo các căn cứ thuộc khoản 1, 2, 3 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, theo quy định khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai và khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 thì trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai - việc xác định loại đất thu hồi thuộc thẩm quyền của UBND huyện B. UBND huyện B căn cứ vào bản đồ địa chính, hồ sơ lưu trữ (sổ mục kê; sổ địa chính; sổ cấp GCNQSD đất...) xác định: Trước năm 1994 khu vực hộ ông Mai Văn T hiện nay đang sử dụng chưa được đo đạc thành lập bản đồ địa chính. Đến năm 1994 khu vực trên được đo đạc thành lập bản đồ địa chính (và được số hoá năm 2005) trong đó có 05 thửa đất (03 thửa đất thổ cư và 02 thửa đất vườn) chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn L nhận chuyển nhượng Nguyễn Trọng T1 (Hưởng), ông Nguyễn Tài H4 và ông Vũ Văn B. Năm 2008 thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính tại thị trấn P, khu vực 05 thửa đất (03 thửa đất thổ cư và 02 thửa đất vườn) chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Tài H4 và ông Vũ Văn B chỉ còn 02 thửa đất chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn L (ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của ông Nguyễn Văn L ký hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L). Năm 2018 UBND tỉnh L phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đô thị C (Quyết định số 986/QĐ-UBND, ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh L). Tại Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của đồ án quy hoạch trên chỉ thể hiện vật kiến trúc của gia đình ông Nguyễn Văn L không thể hiện vật kiến trúc của ông Mai Xuân S. Đến năm 2019 để phục vụ cho dự án Hồ T thị trấn P đã đo đạc để thu hồi đất thì khu vực 02 thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn L được chia tách thành 10 thửa đất trong đó có 07 thửa đất có vật kiến trúc. Như vậy, trên bản đồ địa chính (khu vực hộ ông Nguyễn Văn L) đang quản lý, không có thửa đất nào có tên người sử dụng đất là hộ ông Mai Văn T - Tổ dân phố Số C, thị trấn P sử dụng như nội dung đơn của các hộ. Ngoài diện

tích đất ở tại đô thị của hộ ông Nguyễn Văn L (nhận tặng cho từ hộ ông Nguyễn Văn C), diện tích còn lại đều là đất trồng cây lâu năm khác (CLN). Tại Biên bản xem xét thẩm định ngày 25/6/2024, sau khi lồng ghép diện tích đất lên các tờ bản đồ DC 39 đo đạc, được Sở TNMT tỉnh Lào Cai nghiệm thu năm 2008, thì không có diện tích nào mang tên Mai Văn T. Lồng ghép lên tờ bản đồ địa chính số P3-21 đo đạc năm 1994, số hoá chuyển khối năm 2005, thì loại đất T, không quy chủ, một phần trùng thửa 960, loại đất suối. Lồng ghép lên tờ bản đồ 39 phục vụ giải phóng mặt bằng 2020, thì 40,6m^2 trùng thửa 147, tờ bản đồ 39, loại đất CLN mang tên ông Nguyễn Văn L, 50,1m^2 không đo đạc tại bản đồ số 39. Lồng ghép lên tờ bản đồ DC 5 được đo đạc và nghiệm thu 2021, thì xác định vị trí đất này không thuộc tờ bản đồ DC 5. Như vậy, trên thực tế đã xác định diện tích đất của hộ ông Mai Văn T là đất trồng cây lâu năm.

- Về quá trình sử dụng đất: Qua thanh tra xác minh kết quả, ông Mai Văn T có hộ khẩu thường trú tại Tổ D (nay là Tổ A), phường C, thành phố L từ ngày 07/4/1998 và thuộc hộ do bà Mai Thị C1 làm chủ hộ, có quan hệ với chủ hộ là bố đẻ. Ngày 07/6/2017, ông Mai Văn T làm thủ tục chuyển khẩu thường trú đến TDP số 3, thị trấn P. Ngày 14/8/2017, ông Mai Văn T đăng ký nhập khẩu vào hộ ông Nguyễn Văn H2 sinh năm 1967, thuộc TDP số 3, thị trấn P, quan hệ với chủ hộ là bố vợ. Trong hộ ông Nguyễn Văn H2 có bà Mai Thị H1, sinh năm 1971 là vợ ông H2. Hiện nay ông Mai Văn T thường xuyên sinh sống cùng vợ là bà Lê Thị T2 (sinh năm 1947) tại số nhà B, đường L, tổ A, phường C, thành phố L. Ông Mai Văn T khai nhận đã làm nhà năm 2016, ông T cũng không kê khai nộp thuế đất phi nông nghiệp, đối với thửa đất trên từ trước đến thời điểm thu hồi đất (có biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 03/5/2019 của UBND thị trấn P; văn bản số 321/CCT-NVQLT, ngày 02 tháng 3 năm 2022 của cơ quan thuế; có biên bản xác minh nhân hộ khẩu kèm theo). Theo khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: "Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)". Do đó, đất của hộ ông Mai Văn T không đủ điều kiện để xác định là hộ sử dụng ổn định, liên tục vào mục đích đất ở tại đô thị kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho đến thời điểm thu hồi đất năm 2023. Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 về điều kiện bồi thường đất; Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ, về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai về xác định loại đất. UBND huyện B đã thu hồi, bồi thường đất trồng cây lâu năm cho ông Mai Văn T là đúng quy định.

[2.2.3]. Về Quyết định 1425 ngày 24/4/2023 của UBND huyện B phê duyệt phương án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Theo như trình tự thủ tục tiến hành thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư do UBND huyện B; căn cứ biên bản kiểm kê đất, tài sản hoa màu và Bảng tổng hợp áp giá bồi thường, Quyết định 1425 thu hồi đất của ông Mai Văn T 418,9m^2, đất CLN, áp giá bồi thường với tổng kinh phí 84.618.562 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2.2.4]. Về Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện B v/v phê duyệt phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình hồ trung tâm thị trấn P, liên quan đến gia đình ông Mai Văn T: Tại Quyết định số 1425/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình Hồ trung tâm, thị trấn P, huyện B có ghi: đề nghị các hộ gia đình cá nhân có đơn và xác nhận của UBND thị trấn P về nơi ở, chỗ ở nào khác trên địa bàn làm căn cứ giao đất tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai quy định: "2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất". Ngày 20/9/2023, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 4561/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm, thị trấn P trong đó phê duyệt tái định cư cho các hộ gia đình 06 hộ, trong đó có hộ ông Mai Văn T giao đất có thu tiền sử dụng đất tại LK 19 đến LK B, đường quy hoạch tại dự án thị trấn P, huyện B, diện tích từ 100-120m^2 theo từng lô theo kết quả đo đạc địa chính. Quyết định dựa trên nhu cầu giao đất tái định của các hộ dân tại phiên đối thoại với các hộ gia đình, đúng quy định tại Điều 86 Luật Đất đai 2013.

[2.2.5]. Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định: Các Quyết định số 1419 ngày 24/4/2023, quyết định số 1425 ngày 24/4/2023, quyết định số 4561 ngày 20/9/2023 của UBND huyện B đảm bảo đúng quy định pháp luật. Do vậy, không có căn cứ huỷ Quyết định số 1418, một phần Quyết định 1425 và một phần Quyết định 4561 theo yêu cầu của người khởi kiện.

[2.2.6]. Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện B thực hiện công vụ và nhiệm vụ theo quy định pháp luật: Các quyết định đảm bảo quy định pháp luật, không bị tuyên huỷ. Do vậy, yêu cầu buộc UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ và công vụ theo quy định không được chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo và sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hủy toàn bộ Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi đất để xây dựng công trình hồ trung tâm thị trấn P, huỷ một phần Quyết định

1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình hồ trung tâm thị trấn P đối với hộ gia đình ông Mai Văn T, huỷ một phần Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình hồ trung tâm thị trấn P đối với hộ gia đình ông Mai Văn T.

[4]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí phúc thẩm; Do ông Mai Văn T là người cao tuổi và có đơn đề nghị, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông T theo pháp luật.

[6]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên ông Mai Văn T phải chịu tiền chi phí tố tụng. Xác nhận ông T đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2024/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Mai Văn T về việc: Hủy Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2.2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T về việc đề nghị:

- Hủy quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B.

- Hủy một phần quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B đối với hộ ông Mai Văn T.

- Hủy một phần quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 20/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ

và tái định cư bổ sung để phục vụ xây dựng công trình: Hồ trung tâm thị trấn P, huyện B đối với hộ ông Mai Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình ông Mai Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000172 ngày 24/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

3.2. Án phí sơ thẩm: Miễn án hành chính sơ thẩm cho ông Mai Văn T.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Đình Lực